

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 28/03/2024
V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tính.

Hội Thẩm nhân dân: Ông Mai Văn Duẩn.

Ông Phạm Kiên Cường.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Bà Thân Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 36/2023/TLST-HNGĐ ngày 04/12/2023 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Quang D, sinh năm 1983; địa chỉ: Khu phố 1 CG, phường ĐN, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh (có mặt).

- *Bị đơn:* Chị Chu Thị Bích N, sinh năm 1988; địa chỉ: Khu phố 1 CG, phường ĐN, thành phố TS, tỉnh Bắc Ninh. Hiện trú tại: Nhật Bản (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Chu Văn T, sinh năm 1958 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1965; địa chỉ: Khu phố HP, phường TG, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là anh Nguyễn Quang D trình bày: Anh và chị Chu Thị Bích N, sinh năm 1988; địa chỉ: Khu phố 1 CG, phường ĐN, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc

Ninh kết hôn với nhau từ ngày 15/12/2011, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TG,, thị xã TS, tỉnh Bắc Ninh. Trước khi kết hôn, anh và chị N đã được tự do tìm hiểu, tự nguyện đến với nhau, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn thì vợ chồng chung sống với nhau tại nhà bố mẹ đẻ anh D.

Cuộc sống vợ chồng ban đầu hạnh phúc, nhưng sau đó vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn. Năm 2021, do vợ chồng có cãi vã to tiếng nên anh có nói chị N về nhà ông bà ngoại sống. Sau đó anh có sang xin phép ông bà ngoại đón chị N và các con về nhưng chị N không đồng ý. Kể từ năm 2021, anh chị cắt đứt liên lạc không ai quan tâm đến ai nữa và hai vợ chồng sống ly thân. Tháng 11/2023, chị N tự ý đi Nhật Bản không xin phép anh D. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống với nhau, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị N.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Huyền Trang, sinh ngày 19/10/2012; cháu Nguyễn Thị Ngọc Diệp, sinh ngày 07/8/2014; cháu Nguyễn Quang Đ, sinh ngày 16/5/2018. Khi ly hôn, anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng 02 cháu là cháu Nguyễn Thị Ngọc Diệp và cháu Nguyễn Quang Đ. Hiện nay thu nhập của anh là 12.000.000đ/tháng, đủ điều kiện về kinh tế và chỗ ở để nuôi dạy các con. Anh D không yêu cầu chị N cấp dưỡng.

Anh đồng ý để chị N trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Huyền Trang, sinh ngày 19/10/2012. Anh không đồng ý cấp dưỡng như yêu cầu của chị N.

Về tài sản chung: Vợ chồng anh không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết.

Về công nợ: Vợ chồng anh không nợ ai và không cho ai vay nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Chu Thị Bích N hiện đang sinh sống và lao động tại Nhật Bản có văn bản gửi về Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh trình bày: Chị và anh Nguyễn Quang D kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tương Giang vào ngày 15/12/2021. Sau khi kết hôn thì vợ chồng chung sống bình thường được một khoảng thời gian ngắn. Sau đó anh chị xảy ra nhiều mâu thuẫn. Đặc biệt anh D có tính ghen tuông vô cớ, anh D cho rằng chị N có người khác. Anh D cài đặt định vị lên điện thoại của chị, theo dõi chị tại nơi làm việc gây ảnh hưởng đến công việc của chị nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh chị có ngoại tình, khi về nhà anh D chửi mắng vợ con, đuổi chị và các con ra khỏi nhà. Ngày mùng 2 tết nguyên đán năm 2021, sau khi anh D đi trực tại

cơ quan về đã đuổi đánh chị và các con về nhà ngoại. Ngày 12/11/2023, chị N làm thủ tục đi lao động tại Nhật Bản. Hiện nay chị đang làm việc tại Nhật Bản. Kể từ khi chị đi Nhật Bản thì anh chị không liên lạc với nhau. Nay anh D xin ly hôn, chị đồng ý ly hôn với anh D để hai bên ổn định cuộc sống riêng.

Về con chung: Vợ chồng chị có 03 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Huyền Trang, sinh ngày 19/10/2012; cháu Nguyễn Thị Ngọc Diệp, sinh ngày 07/8/2014; cháu Nguyễn Quang Đ, sinh ngày 16/5/2018. Khi ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 cháu là cháu Nguyễn Ngọc Huyền Trang, sinh ngày 19/10/2012; cháu Nguyễn Thị Ngọc Diệp, sinh ngày 07/8/2014; cháu Nguyễn Quang Đ, sinh ngày 16/5/2018. Bởi vì anh D có hành vi bạo lực gia đình, không chăm lo con cái khi vẫn sống chung, khi chị về nhà mẹ đẻ sống thì anh D cũng không quan tâm đến các con. Chị đề nghị anh D cấp dưỡng 6.000.000đ/tháng.

Do hiện nay chị đang ở nước ngoài nên chị ủy quyền việc trực tiếp chăm sóc con chung cho bố mẹ chị là ông Chu Văn T, sinh năm 1958 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1965; địa chỉ: Khu phố Hưng Phúc, phường Tương Giang, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

Về tài sản chung, công nợ: Chị xác định vợ chồng chị không có tài sản chung và công nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị N đề nghị được vắng mặt tất cả buổi làm việc và các phiên xét xử của Tòa án và đề nghị giao các văn bản tố tụng của Tòa án cho ông Chu Văn T, sinh năm 1958 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1965; địa chỉ: Khu phố Hưng Phúc, phường Tương Giang, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Nguyệt là ông Chu Văn T và bà Nguyễn Thị N trình bày: Ông T là bố đẻ của chị Chu Thị Bích N, sinh năm 1988; HKTT: Khu phố 1 Cẩm Giang, phường Đồng Nguyên, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh. Ông trình bày quan hệ giữa anh D và chị N thì anh chị có nhiều mâu thuẫn. Khoảng mừng 2 tết âm lịch năm 2021, anh D đuổi chị N về nhà ông, không cho chị N ăn tết nguyên đán. Sau đó, chị gái của anh D tên là Tâm có đưa cả ba cháu ngoại sang gửi nhà ông và bà N là vợ ông. Anh D rất ít sang thăm con, anh D sang nhà thì chỉ mắng chị N là các con không phải con ruột của anh D. Kể từ năm 2021, chị N thỉnh thoảng vẫn về nhà anh D nhưng anh D đuổi chị N đi. Chị N có trao đổi với ông là hôn nhân giữa anh chị không thể hàn gắn được nữa nên chị đồng ý ly hôn với anh D.

Chị N có trao đổi về việc đề nghị Tòa án cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Huyền Trang, cháu Nguyễn Thị Ngọc Diệp,

cháu Nguyễn Quang Đ. Vì anh D thường bỏ bê con cái. Ngoài ra chị đề nghị anh D cấp dưỡng nuôi các con theo quy định của pháp luật.

Ông T và bà N cũng trình bày cam kết sẽ hỗ trợ chị N chăm sóc các cháu khi chị N vắng nhà và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt ông bà do điều kiện đi lại.

Tại phiên tòa sơ thẩm, anh Nguyễn Quang Diệu giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Do chị Chu Thị Bích N vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án là đảm bảo đúng theo trình tự thủ tục tố tụng. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 28, 35, 37, 38, 146, 147, 227, 271, 273, 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Quang D: Cho anh Nguyễn Quang D được ly hôn chị Chu Thị Bích N.

2. Giao cháu Nguyễn Quang Đ, sinh ngày 16/5/2018 cho anh D nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Giao cháu Nguyễn Ngọc Huyền Trang, sinh ngày 19/10/2012 và cháu Nguyễn Thị Ngọc Diệp, sinh ngày 07/8/2014 cho chị N nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục kể từ tháng 04/2024 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng: Anh Diệu phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Nguyệt mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về án phí: Anh Diệu phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện lời trình bày của các đương sự, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp: Theo đơn khởi kiện của anh Nguyễn Quang D đề nghị Tòa án xem xét cho anh được ly hôn với chị Chu Thị Bích N. Căn cứ khoản 1 Điều

28 Bộ luật Tố tụng dân sự thì quan hệ tranh chấp trong vụ án được xác định là “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”.

Về thẩm quyền giải quyết: Anh Nguyễn Quang D đề nghị Tòa án xem xét cho anh được ly hôn với chị Chu Thị Bích N có hộ khẩu thường trú tại Khu phố 1 Cẩm Giang, phường Đồng Nguyên, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh; tại thời điểm thụ lý vụ án chị Chu Thị Bích N đang sinh sống và làm việc tại Nhật Bản. Tòa án đã tiến hành xác minh thông tin về thời gian xuất nhập cảnh tại Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an được biết, chị Chu Thị Bích N đã xuất cảnh lần gần nhất là ngày 12/11/2023 qua Cửa khẩu sân bay quốc tế Nội Bài, hiện chưa có thông tin nhập cảnh trở lại Việt Nam. Căn cứ khoản 3 Điều 35, Điều 37, Điều 38 Bộ luật Tố tụng dân sự thì tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

Về việc tham gia tố tụng của các đương sự: Bị đơn chị Chu Thị Bích N và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Chu Văn T và bà Nguyễn Thị N vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên các đương sự đã có văn bản gửi Tòa án thể hiện ý kiến của mình về việc được vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Quang D và chị Chu Thị Bích N kết hôn ngày 15/12/2011, tại thời điểm kết hôn anh D và chị N đều đủ tuổi, đủ năng lực, đủ điều kiện kết hôn theo luật định. Do đó, mối quan hệ hôn nhân giữa anh D và chị N là hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn, theo trình bày của anh D thì do vợ chồng có to tiếng cãi vã nên anh D nói chị N về sống với bố mẹ đẻ chị N, kể từ đó thì chị N không về sống chung với anh D. Chị N cũng xác nhận do anh D nghi ngờ chị có mối quan hệ với người khác nên đã xảy ra mâu thuẫn và đuổi chị về nhà bố mẹ đẻ. Ngày 12/11/2023 chị N làm thủ tục đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, kể từ đó thì anh chị cắt đứt liên lạc với nhau. Nay anh D làm thủ tục xin ly hôn tại Tòa án thì chị N nhất trí việc ly hôn với anh D.

Hội đồng xét xử nhận thấy, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng anh D và chị N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Yêu cầu xin ly hôn của anh D là có căn cứ, đủ điều kiện ly hôn theo quy định của

Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh D, xử cho anh Nguyễn Quang D được ly hôn chị Chu Thị Bích N.

[2.2]. Về con chung: Anh D trình bày, vợ chồng anh có 03 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Huyền Trang, sinh ngày 19/10/2012; cháu Nguyễn Thị Ngọc Diệp, sinh ngày 07/8/2014; cháu Nguyễn Quang Đ, sinh ngày 16/5/2018. Khi ly hôn anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng 02 cháu là cháu Nguyễn Thị Ngọc Diệp và cháu Nguyễn Quang Đ. Anh đồng ý để chị N nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc Huyền Trang. Anh D không yêu cầu chị N cấp dưỡng. Chị N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Huyền Trang, sinh ngày 19/10/2012; cháu Nguyễn Thị Ngọc Diệp, sinh ngày 07/8/2014; cháu Nguyễn Quang Đ, sinh ngày 16/5/2018. Chị N đề nghị anh D cấp dưỡng nuôi con 6.000.000đ/tháng. Chị N ủy quyền cho bố mẹ đẻ chị là ông Chu Văn T và bà Nguyễn Thị N chăm sóc các con chung khi chị không có mặt tại Việt Nam.

Hội đồng xét xử thấy, việc chăm sóc nuôi dưỡng con chung là quyền và nghĩa vụ chung của cả hai vợ chồng. Anh D có công việc ổn định với mức thu nhập khoảng 13.000.000đ/ tháng. Anh D có điều kiện về kinh tế, đảm bảo cuộc sống tốt để nuôi các con. Anh D có nhà riêng để đảm bảo điều kiện về chỗ ở cho cả gia đình.

Chị N không chứng minh được mình có đủ điều kiện về kinh tế cũng như việc dành thời gian chăm sóc con. Điều này có thể ảnh hưởng đến sự phát triển của các cháu. Hiện nay chị N đang lao động tại nước ngoài không thể trực tiếp nuôi dưỡng các con nên đề nghị của anh D là có cơ sở. Do đó, cần chấp nhận đề nghị của anh D, giao cháu cháu Nguyễn Thị Ngọc Diệp, sinh ngày 07/8/2014; cháu Nguyễn Quang Đ, sinh ngày 16/5/2018 cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng; Giao cháu Nguyễn Ngọc Huyền Trang, sinh ngày 19/10/2012 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Theo quy định của pháp luật thì cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Tuy nhiên, do anh D xin nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Diệp và cháu Đ nhưng không yêu cầu cấp dưỡng; chị N chỉ nuôi 01 con chung là cháu Trang nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng của chị Chu Thị Bích N.

[2.3]. Về tài sản chung, công nợ chung: Anh D và chị N đều xác nhận vợ chồng anh chị không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3]. Về án phí: Anh Nguyễn Quang D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 37, 38, 146, 147, 227, 228, 271, 273, 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Quang D: Anh Nguyễn Quang D được ly hôn chị Chu Thị Bích N.

2. Về con chung: Giao cháu cháu Nguyễn Thị Ngọc Diệp, sinh ngày 07/8/2014 và cháu Nguyễn Quang Đ, sinh ngày 16/5/2018 cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Nguyễn Ngọc Huyền Trang, sinh ngày 19/10/2012 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục kể từ tháng 04/2024 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng: Không xem xét giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Quang D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận anh D đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000043 ngày 30/11/2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- Cục THADS tỉnh Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Tính